

GS. VŨ MINH KHƯƠNG:

Xây dựng nhà nước kiến tạo phát triển trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo - Chìa khóa để Việt Nam thực hiện thành công Tầm nhìn 2045



Để đạt mục tiêu trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao vào năm 2045, Việt Nam cần những đột phá mang tính chiến lược. Theo GS. Vũ Minh Khương, Đại học Quốc gia Singapore, chìa khóa nằm ở việc xây dựng nhà nước kiến tạo phát triển (NNKTPT) và nền công vụ ưu tú trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo (AI).



Hiện thực hóa mục tiêu đến năm 2045 đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao là một thách thức rất lớn. Ảnh: PV.

Con đường không dễ dàng

Thưa GS, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV tiếp tục đặt mục tiêu đến năm 2045 Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao. GS đánh giá như thế nào về mục tiêu này?

GS. Vũ Minh Khương: Gần bốn thập kỷ kể từ khi khởi xướng Đổi Mới (1986), Việt Nam đã đạt được những thành quả cải cách to lớn. Từ một nền kinh tế nghèo và bị cô lập, đất nước đã vươn lên nhóm thu nhập trung bình, hội nhập sâu rộng và trở thành điểm đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) hàng đầu thế giới. Tốc độ tăng trưởng bình quân 6-7%/năm trong suốt nhiều thập kỷ là một thành tựu rất đáng trân trọng.

Tuy nhiên, nếu so với tiềm năng phát triển của đất nước và đặc biệt khi đặt trong tương quan với những quốc gia đã tạo nên kỳ tích vươn lên hùng cường chỉ trong vòng 30-40 năm, các thành quả ấy vẫn còn dưới mức kỳ vọng. Hàn Quốc và Trung Quốc là hai tham chiếu điển hình.

Hàn Quốc cho thấy phương cách vươn lên của một quốc gia phải chất chiu từng đồng ngoại tệ - không chỉ cho phát triển mà cả để đảm bảo an ninh quốc gia - trong một bối cảnh địa chính trị cực kỳ khắc nghiệt. Trong khi đó, Trung Quốc cung cấp những bài học sâu sắc về cách khai thác lợi thế của một hệ thống chính trị có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam để thực hiện sứ mệnh phát triển và đáp ứng kỳ vọng dân tộc.

So sánh trong 40 năm đầu cải cách cho thấy một thực tế cần phân tích để hiểu rõ hơn: GDP của Hàn Quốc và Trung Quốc tăng hơn 30 lần; GDP của Việt Nam tăng khoảng 12-13 lần. Thu nhập bình quân đầu người của họ tăng gấp 18-25 lần, trong khi Việt Nam tăng khoảng 7-8 lần. Điều đó cho thấy chúng ta đã đi đúng hướng và đạt tiến bộ đáng kể, nhưng chưa thực sự bước vào pha “cắt cánh” như các nền kinh tế thần kỳ châu Á.

Đáng chú ý hơn, sự phân kỳ bắt đầu rõ rệt sau khoảng 20 năm cải cách. Khi tích lũy đủ nền tảng, Hàn Quốc và Trung Quốc bước vào giai đoạn tăng trưởng

gia tốc theo cấp số nhân. Việt Nam thì vẫn duy trì quỹ đạo tăng trưởng ổn định nhưng thiếu bước nhảy vọt mang tính cấu trúc.

Thách thức phía trước vì vậy vô cùng lớn. Mục tiêu nâng GDP/người từ khoảng 4.000 USD hiện nay lên tối thiểu 15.000 USD trong vòng hai thập kỷ - ngưỡng cơ bản để gia nhập nhóm thu nhập cao - là một bài toán cam go.

Kinh nghiệm quốc tế chỉ rõ con đường này không hề dễ dàng. Hàn Quốc mất khoảng 20 năm để tăng từ 4.189 USD (1979) lên 15.714 USD (1999); lẽ ra chỉ 18 năm nếu không bị khủng hoảng tài chính châu Á 1997 khiến tăng trưởng năm 1998 âm.

Trung Quốc đạt 13.122 USD vào năm 2024, sau khoảng 18 năm kể từ khi chạm mốc 4.000 USD (2006), và để vượt ngưỡng 15.000 USD vào năm 2026, họ cần duy trì mức tăng trưởng GDP/người trên 5%/năm trong 2025 và 2026. Việc này tương đối khả thi, nhưng không hoàn toàn chắc chắn vì những biến động phức tạp, khó lường của cạnh tranh địa chính trị toàn cầu.

Từ hai kinh nghiệm này, có thể thấy việc đưa Việt Nam từ 4.000 USD lên 15.000 USD trong 20 năm là một thách thức cực kỳ lớn. Nếu làm được, đó không chỉ là thành tựu kinh tế, mà sẽ là một kỳ tích lịch sử có ý nghĩa không chỉ với Việt Nam mà còn với cộng đồng quốc tế.

Từ những phân tích trên, có thể thấy quỹ đạo tăng trưởng hiện tại sẽ không đủ. Nếu chúng ta tiếp tục vận hành theo logic cũ thêm hai thập kỷ nữa, mục tiêu 2045 sẽ rất khó đạt. Muốn tạo nên kỳ tích, Việt Nam phải bước sang một quỹ đạo phát triển mới - mạnh hơn, sâu hơn và mang tính đột phá về thể chế.

Nhà nước kiến tạo phát triển - mô hình cốt lõi

Vậy theo GS, Việt Nam cần làm gì để hiện thực hóa Tầm nhìn 2045?

GS. Vũ Minh Khương: Như chúng ta đã thấy, kết quả tăng trưởng và thành quả phát triển trong bốn thập kỷ đầu cải cách của Việt Nam thấp hơn đáng kể so với Trung Quốc và Hàn Quốc. Thiếu vắng ý chí và chiến lược xây dựng NNKTPT có thể được coi là

nguyên nhân chủ yếu làm Việt Nam chưa phát huy được hết tiềm năng phát triển to lớn và cơ hội giá trị mà bối cảnh thế giới rất thuận lợi trong bốn thập kỷ qua mang lại.

NNKTPT là một mô hình quản trị quốc gia với khát vọng đưa đất nước nhanh chóng vươn tới hùng cường, được khái quát từ thành công của Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore và Trung Quốc. NNKTPT có năm đặc trưng cốt lõi:

Thứ nhất, tầm nhìn và chiến lược phát triển dài hạn. NNKTPT đặt ưu tiên vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cấp công nghệ và năng lực cạnh tranh quốc gia. Nhà nước không chỉ quản lý mà còn chủ động định hình cấu trúc thị trường và dẫn dắt quá trình chuyển đổi kinh tế. Trong trường hợp Trung Quốc, chiến lược này thể hiện qua các kế hoạch 5 năm, nhưng được triển khai theo cách linh hoạt, thích ứng nhanh với bối cảnh toàn cầu.

Thứ hai, bộ máy hành chính chuyên nghiệp và tự chủ. Một nền công vụ dựa trên thực tài, có năng lực phân tích chính sách và phối hợp liên ngành, là điều kiện tiên quyết. Các nghiên cứu về Nhật Bản và Hàn Quốc cho thấy vai trò trung tâm của bộ máy kỹ trị. Ở Trung Quốc, hệ thống đánh giá cán bộ dựa trên thành tích kinh tế tạo ra kỷ luật phát triển, buộc quan chức địa phương phải tìm mọi cách thúc đẩy tăng trưởng.

Thứ ba, quan hệ công - tư gắn bó nhưng độc lập. NNKTPT thiết lập cơ chế “độc lập - gắn sâu”, trong đó nhà nước vừa hoạch định chiến lược độc lập, vừa sát cánh đồng hành cùng doanh nghiệp để đạt mục tiêu phát triển. Ở Trung Quốc, nhà nước phát huy sức mạnh của cả doanh nghiệp nhà nước và tư nhân, trong đó chính quyền địa phương trở thành tác nhân kinh tế trực tiếp, hợp tác chặt chẽ với doanh nghiệp nhưng vẫn giữ quyền kiểm soát định hướng. Điều này thể hiện trong “chủ nghĩa tập đoàn địa phương”.

Thứ tư, chính sách công nghiệp định hướng chiến lược và có điều kiện. Nhà nước chủ động chọn ngành mũi nhọn, nhưng luôn gắn với nguyên tắc “hỗ trợ có đối ứng”. Doanh nghiệp chỉ tiếp tục được ưu đãi nếu đạt mục tiêu cụ thể về xuất khẩu, năng suất, hay công nghệ. Ở Trung Quốc, điều này thấy rõ trong các chương trình như Made in China 2025, nơi hỗ trợ nhà nước gắn với chuẩn mực về nội địa hóa và đổi mới công nghệ.

Thứ năm, năng lực điều phối tập trung nhưng linh hoạt: “Thử nghiệm trước, luật hóa sau”. Kinh nghiệm của Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore và Trung Quốc cho thấy, các quốc gia này có các cơ quan có quyền lực thực chất trong điều phối công nghiệp, tài chính, giáo dục và thương mại. Riêng Trung Quốc nổi bật ở khả năng “thử nghiệm chính sách” trước khi thể chế hóa. Thay vì ban hành ngay luật, Chính phủ Trung Quốc cho phép địa phương thử nghiệm, tổng kết, rồi mở rộng “từ điểm đến diện”. Cách làm này tạo ra đột phá phát triển, nhưng vẫn giảm thiểu rủi ro, phù hợp với bối cảnh bất định của công nghệ và kinh tế toàn cầu.

Tóm lại, NNKTPT không chỉ là một “nhà nước mạnh” mà là nhà nước có năng lực chiến lược: Chủ động và thực tiễn, thể chế hiệu quả, hợp tác linh hoạt, học hỏi liên tục. Vì vậy, Việt Nam muốn hiện thực hóa Tầm nhìn 2045 cần xây dựng NNKTPT.

Mười ưu tiên chiến lược cho nền công vụ

Đi kèm với nhà nước kiến tạo phát triển, thiết nghĩ cần có nền công vụ hiện đại, hiệu lực, hiệu quả như định hướng của Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV. Theo GS, Việt Nam cần có những ưu tiên hành động cụ thể nào nhằm tạo bước ngoặt chiến lược trong xây dựng nền công vụ trong thời gian tới?

GS. Vũ Minh Khương: Bên cạnh việc xây dựng NNKTPT, chúng ta cần có những ưu tiên hành động cụ thể (10 ưu tiên) nhằm tạo bước ngoặt chiến lược trong xây dựng nền công vụ ưu tú giai đoạn 2025-2045. Trọng tâm của những đề xuất này là củng cố lòng tin xã hội, nâng tầm quản trị quốc gia và đặt nền móng cho một thể chế hiện đại, tự cường, sáng tạo, mang bản sắc Việt trong kỷ nguyên mới.

Ưu tiên 1: Thúc đẩy mạnh mẽ ba chuyển dịch chiến lược và hoàn thiện chính thể đột phá năm mũi nhọn.

Ưu tiên này định hình hướng đi quốc gia và logic tổ chức thực thi cho giai đoạn 2025-2045. Trọng tâm gồm ba chuyển dịch chiến lược và hai trụ cột bổ sung để hình thành chính thể năm mũi nhọn.

Ba chuyển dịch chiến lược: 1) Đổi mới I → Đổi mới II (Tầm nhìn - Mục tiêu - Phương cách): Chuyển từ “đổi mới tư duy” sang ý chí trở dậy kiến tạo tương lai; từ “phá rào” sang xây nền quốc gia hiện đại; từ “hội nhập, thu hút” sang đóng góp, định vị vai trò xứng đáng của Việt Nam trong cộng đồng quốc tế; 2) “Quản lý tuân thủ” → “Quản trị quốc gia”: Quản trị theo kết quả đo lường được, minh bạch dữ liệu, trách nhiệm giải trình cao; 3) “Đầu tư - tăng trưởng” → “Kiến tạo giá trị - tiến hóa”: Ưu tiên nâng cấp công nghệ, năng suất, năng lực cạnh tranh, thay vì chỉ chạy theo chỉ số tăng trưởng GDP bằng mọi giá.

Hoàn thiện chính thể năm mũi nhọn: Bổ sung hai trụ cột “Tầm nhìn 2045” và “Hội nhập quốc tế” bên cạnh ba đột phá hiện hữu “Thể chế - Hạ tầng - Nguồn nhân lực”, hình thành chính thể đột phá toàn diện gồm năm mũi nhọn: Tầm nhìn 2045; Hội nhập quốc tế; Thể chế; Hạ tầng; Nguồn nhân lực. Bổ sung hai trụ cột mới mang lại lợi ích thiết thực và giá trị chiến lược. Đột phá về Tầm nhìn 2045 đóng vai trò kim chỉ nam, tạo nền móng cho hướng đi lâu dài và khơi dậy ý chí cải cách quả cảm để tạo nên bước tiến vượt bậc trong công

cuộc phát triển. Đột phá về Hội nhập quốc tế giúp khai thác triệt để tinh hoa và xu thế thời đại, nâng năng lực kết nối toàn cầu và phát huy cộng hưởng giữa tiềm năng trong nước với nguồn lực quốc tế.

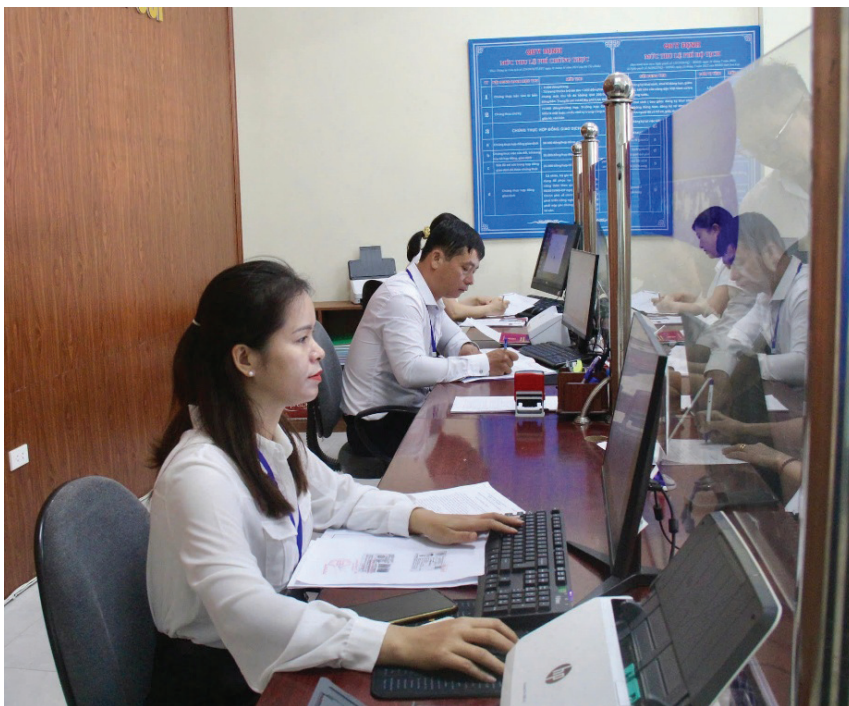
Ưu tiên 2: Thúc đẩy mọi cấp, mọi ngành, mọi đơn vị triển khai ngay các cải cách nhỏ trong cơ chế quản lý - chi phí thấp nhưng mang lại tác động tích cực rộng khắp đến toàn xã hội, không chỉ về hiệu quả vận hành mà cả lòng tin và ý thức tham gia đóng góp của người dân vào nỗ lực cải cách.

Để minh họa, xin nêu hai ví dụ điển hình về giảm gánh nặng công chứng và nâng chuẩn dịch vụ hỗ trợ tại các cơ sở công cộng như sân bay, bệnh viện, nhà ga lên mức tiên tiến.

Giảm gánh nặng công chứng: Để Việt Nam sớm đạt tới nền dịch vụ công ưu tú, chất lượng mỗi dịch vụ nên được chấm điểm và đối sánh với các nước tham chiếu, có tính tương đồng và làm chuẩn vươn tới. Việc chấm điểm có thể dùng thang điểm 1-5 (1 = rất yếu, gây bức xúc; 2 = yếu, làm ức chế; 3 = chấp nhận được; 4 = tốt, củng cố niềm tin; 5 = xuất sắc, tạo hy vọng và phấn chấn).

Khi dùng thang điểm này cho dịch vụ công chứng, Việt Nam đạt mức trung bình tổng hợp là 1,8 so với mức 4,6 của Singapore, 4,2 của Hàn Quốc và 3,5 của Trung Quốc. Mặc dù kết quả này là dựa trên khảo sát qua AI nên chỉ có giá trị tham khảo, nó phần nào phản ánh cảm nhận thực tế của người dân trong sử dụng dịch vụ này. Chẳng hạn, có lãnh đạo phường phải mất hàng giờ để ký bản sao công chứng hoặc người dân vẫn ngại công chứng điện tử.

Để nâng cao chất lượng dịch vụ này, Việt Nam nên tham khảo các nước tham chiếu để giảm đòi hỏi thủ tục công chứng tới mức tối thiểu và tăng cường số hóa dịch vụ này. Bên cạnh đó, việc sớm tham gia Công ước Apostille cũng là một ưu tiên cần coi trọng.



Thúc đẩy mọi cấp, mọi ngành, mọi đơn vị triển khai ngay các cải cách nhỏ trong cơ chế quản lý với chi phí thấp nhưng mang lại tác động tích cực. Ảnh: VH.

Nâng chuẩn dịch vụ hỗ trợ tại các cơ sở công cộng lên mức tiên tiến: Trong khi Việt Nam cần thêm thời gian để hiện đại hóa hạ tầng cứng của các cơ sở công cộng (sân bay, bệnh viện, nhà ga), việc có thể làm ngay là nâng chuẩn dịch vụ hỗ trợ tại các cơ sở này lên mức tiên tiến. Đây là nhiệm vụ khả thi và cấp bách, vì ở nhiều nơi các khâu như bố trí và điều phối taxi, xe công nghệ tại sân bay, hệ thống biển chỉ dẫn, tiếp đón - tiếp nhận bệnh nhân, v.v. còn yếu, thậm chí là vắng nạn.

Việc nâng chuẩn không khó nếu ban hành bộ tiêu chí đo lường được, đánh giá định kỳ, độc lập và công bố công khai kết quả (bảng xếp hạng). Mục tiêu có thể đặt ra là trong vòng 12-18 tháng, tất cả các cơ sở công cộng đưa các dịch vụ này tiệm cận chuẩn nhóm đầu thế giới - nâng hiệu quả vận hành, củng cố niềm tin xã hội và cải thiện trải nghiệm người dân.

Ưu tiên 3: Thiết lập cơ quan “tổng tham mưu” kiến tạo phát triển.

Thành lập một cơ quan ngang bộ đóng vai trò “tổng tham mưu” cho chiến lược phát triển quốc gia, tham khảo mô hình Ủy ban Phát triển và Cải cách Quốc gia (NDRC) của Trung Quốc. Cơ quan này tích hợp các chức năng: Quy hoạch tổng thể, giám sát đầu tư công, phối hợp liên ngành và đánh giá thực thi chiến lược theo chu kỳ kế hoạch 5 năm.

Ở cấp tỉnh/thành phố, cơ quan tương ứng (Provincial Development and Reform Commission - PDRC) đảm nhiệm quy hoạch cấp tỉnh, điều phối hợp tác vùng và liên ngành, thẩm định dự án và kiến nghị chính sách. Hai cấp phối hợp chặt chẽ: NDRC thiết kế khung chiến lược, kế hoạch 5 năm quốc gia, ban hành tiêu chí, KPI, vận hành “kho dự án” số và cơ chế giám sát/điều hành vĩ mô; PDRC địa phương hóa mục tiêu để đưa vào kế hoạch tỉnh, xây và thẩm định nguồn dự án theo phân cấp, triển khai và báo cáo dữ liệu định kỳ theo chuẩn trung ương. Sự phối hợp này đặc biệt quan trọng với các dự án liên vùng và khi ứng phó biến động (giá cả, năng lượng, logistics), bảo đảm điều hành thống nhất mà vẫn linh hoạt theo địa bàn.

Ưu tiên 4: Xây dựng Chiến lược phát triển quốc gia đến 2045 trên nền tảng đồng kiến tạo.

Tổ chức tham vấn sâu rộng với các chuyên gia, doanh nghiệp, viện nghiên cứu và người dân để xây dựng chiến lược phát triển hướng tới 2045 theo các giai đoạn (2025-2030; 2025-2035 và 2025-2045) không chỉ ở cấp quốc gia mà ở cả 34 tỉnh/thành phố, 18 ngành kinh tế và 24 ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Trên cơ sở đó, mỗi tỉnh/thành phố, mỗi ngành và mỗi vùng cần có một ‘hành trình chuyển đổi’ riêng, nhưng gắn kết chặt chẽ với tầm nhìn chung và nỗ lực hợp tác cao nhất để Việt Nam trở thành nước phát triển vào năm 2045. Việt Nam nên có kế hoạch 5 năm và 10 năm để định hình rõ chiến lược và mục tiêu phát triển cho từng giai đoạn cho cả nước cũng như cho mỗi ngành và mỗi địa phương.

Ưu tiên 5: Coi trọng thử nghiệm chính sách trước khi luật hóa, nhất là ở các lĩnh vực đòi hỏi đột phá sáng tạo.

Thay vì gấp rút soạn thảo và ban hành luật, Việt Nam nên tham khảo kinh nghiệm quốc tế trong ưu tiên thử nghiệm chính sách, xây dựng cơ chế thí điểm. Cách làm này thúc đẩy sáng tạo, cho phép triển khai nhanh và mạnh dạn các nhiệm vụ cấp bách, đồng thời nắm bắt kịp thời cơ hội và xu thế công nghệ mới. Việc luật hóa nên tập trung vào quy tắc bảo vệ lợi ích công, an toàn hệ thống và xử lý rủi ro mới nổi, dựa trên bằng chứng rút ra từ thí điểm.

Cách tiếp cận này khuyến khích đổi mới nhưng không hợp pháp hóa sai phạm, giảm rủi ro sinh ra “luật ống, luật khung”, đồng thời tăng tốc học hỏi thể chế. Nhờ có bằng chứng từ thí điểm, các đạo luật khi ban hành sẽ thuyết phục và ổn định hơn. Kết quả là một hệ thống pháp luật linh hoạt, dựa trên bằng chứng, sẵn sàng đón nhận công nghệ và mô hình kinh doanh mới, qua đó gia tăng niềm tin xã hội nhờ minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Ưu tiên 6: Nâng cấp toàn diện hệ thống chính sách và pháp luật dựa trên AI và học hỏi quốc tế.

Triển khai chương trình tổng rà soát toàn diện, có hệ thống đối với toàn bộ khung chính sách và pháp luật hiện hành, kết hợp sức mạnh của AI và đội ngũ

chuyên gia liên ngành. AI được sử dụng để quét, phân loại, phát hiện các điểm chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu nhất quán và các “nút thắt” thể chế; đồng thời đối sánh với các chuẩn mực và thông lệ tốt nhất quốc tế. Trên nền tảng đó, các nhóm chuyên gia tiến hành thẩm định sâu, đề xuất sửa đổi, hợp nhất hoặc bãi bỏ, hướng tới một hệ thống pháp luật tinh gọn, minh bạch, dễ thực thi và có hiệu lực cao.

Song song với việc nâng cấp hệ thống hiện hữu, Việt Nam cần tích hợp AI ngay từ khâu xây dựng luật và chính sách mới. AI có thể hỗ trợ mô phỏng tác động, dự báo rủi ro, phân tích kịch bản và tối ưu hóa thiết kế thể chế, qua đó nâng cao chất lượng đầu vào của chính sách. Việc ứng dụng AI xuyên suốt vòng đời chính sách - từ thiết kế, tham vấn, ban hành đến giám sát và đánh giá - sẽ rút ngắn chu kỳ cải cách, tăng tính nhất quán và nâng cao hiệu lực thực thi.

Một nguyên tắc cốt lõi là học hỏi quốc tế một cách có hệ thống và có chọn lọc: không sao chép công cụ bề mặt, mà làm rõ logic chiến lược, thiết kế thể chế và điều kiện thực thi của các mô hình thành công. Khai thác hiệu quả các bài học tốt nhất từ Singapore, Hàn Quốc, Trung Quốc và các nước OECD, kết hợp với năng lực phân tích của AI, sẽ cho phép Việt Nam “nhảy cóc” trong nâng cấp chất lượng thể chế, rút ngắn đáng kể khoảng cách với chuẩn mực toàn cầu.

Nếu được triển khai quyết liệt, cách tiếp cận này có thể trở thành một lợi thế cạnh tranh chiến lược của Việt Nam: xây dựng một hệ thống chính sách và pháp luật có năng lực học hỏi nhanh, điều chỉnh linh hoạt và kiến tạo phát triển trong kỷ nguyên AI.

Khai thác AI để học hỏi có hệ thống các bài học quốc tế nhằm nâng tầm chính sách và pháp luật tiệm cận chuẩn mực toàn cầu không chỉ là một phép thử chiến lược, mà còn là nền tảng và công cụ thực thi chiến lược. Đây sẽ là yếu tố quyết định năng lực thành công của Việt Nam trong các lĩnh vực khó nhưng then chốt như khoa học - công nghệ, giáo dục và việc vươn lên các phân khúc giá trị cao trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Ưu tiên 7: Tổ chức bộ máy theo cấu trúc tổng lực - thống nhất, chuyên nghiệp, hướng vào kết quả.

Mục tiêu là tăng năng lực triển khai - phối hợp liên thông nâng chất lượng và hiệu quả dịch vụ công. Cụ thể là: Đổi mới đánh giá công vụ dựa trên kết quả và công nghệ; quản trị dự án hiện đại trong đầu tư công; chuyển đổi số toàn diện - phổ cập AI cho mọi công chức.

Ưu tiên 8: Thiết lập các khu thương mại tự do (FTZ) linh hoạt không chỉ tại các địa bàn trọng điểm mà ở mọi nơi có thể tạo giá trị đột phá.

Thành lập các FTZ thí điểm tại TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng để thu hút FDI thế hệ mới, phát triển công nghệ cao, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và xây dựng các đại học, viện nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế. Những khu này hoạt động với thể chế đặc biệt, đi kèm với chính sách “sandbox” cho đổi mới mô hình phát triển. Các FTZ cũng có thể được thiết lập linh hoạt ở bất kỳ địa phương nào nếu được chứng minh là có khả năng tạo ra phát triển đột phá; đặc biệt ở các vùng có tiềm năng lớn nhưng chưa được khai thác và phát huy hiệu quả.

Ưu tiên 9: Triển khai sáng kiến Tầm nhìn 2045 theo mô hình: “Địa phương đi trước, cả nước tiến cùng” và “doanh nghiệp tiến nhanh, lan tỏa cả ngành”.

Thí điểm các dự án này tại một số xã, phường hoặc doanh nghiệp vừa và nhỏ tiêu biểu, theo mô hình hợp lực giữa “Nhà nước - Doanh nghiệp - Người dân”. Nhà nước hỗ trợ bằng quỹ tài trợ theo kết quả, đảm bảo nguồn lực được phân bổ hiệu quả và minh bạch.

Ưu tiên 10: Đặc biệt coi trọng xây dựng ý thức công dân, đặc biệt là đặt nền móng từ lớp trẻ.

Xây dựng nền công vụ ưu tú không chỉ là nâng cao hiệu năng bộ máy công quyền mà còn là bồi đắp ý thức công dân: không dừng ở tuân thủ pháp luật, mà vươn tới gánh vác trách nhiệm đưa đất nước tới phồn vinh, hùng cường. Ý thức này cần được gia cường ở mỗi cá nhân, ngay từ khi chưa trưởng thành.

Trân trọng cảm ơn GS ✍

Thực hiện: VVH